

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện.

2. Ông Trần Trọng Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Mạnh C, sinh năm 1983

ĐKHK: SN 14 TT1, Ngõ 183 HVT, phường KT, quận T, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Tổ 11, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (*Có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: Chị Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 8, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Mạnh C trình bày: Anh và chị Nguyễn Hoàng Y kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc gì. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng

thường xuyên xung đột cãi vã nhau, không có tiền nói chung, một phần do không có con chung. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với chị Y để giải phóng cho nhau.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh C khai không có con chung, không có nợ chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh C nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Phía bị đơn chị Nguyễn Hoàng Y, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng chị Y vẫn vắng mặt. Tại biên bản làm việc ngày 25/02/2019, chị Y xác định đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, biết được quan điểm của anh C trong vụ án Hôn nhân và gia đình này, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cũng nhất trí ly hôn nhưng sẽ không viết bản tự khai hay đến Tòa để tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho chị Y, tuy nhiên chị Y vẫn vắng mặt, vì vậy không tiến hành hòa giải được, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Hoàng Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung:** Anh Lê Mạnh C và chị Nguyễn Hoàng Y kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc gì nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân anh C xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vì lý do đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án chị Y không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 25/02/2019 chị Y đã xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất

trí ly hôn với anh C nhưng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị Y đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế cuộc hôn nhân này đã không còn tồn tại từ khi hai vợ chồng sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

Điều 51: Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Điều 56: Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía chị Y, tuy không có lời khai tại Tòa án nhưng khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và biết được yêu cầu giải quyết của anh C trong vụ án này, chị Y nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì khác, do vậy đối với việc giải quyết tài sản chung vợ chồng, nợ chung và các khoản cho vay, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu chị Y có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Anh C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Mạnh C, cho anh Lê Mạnh C được ly hôn với chị Nguyễn Hoàng Y.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Anh Lê Mạnh C phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007253 ngày 15/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Các đương sự
- Lưu HS; lưu BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thuận

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ, ngày 22/11/2018

Tại: Phòng nghị án- Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thuận

* *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quang Thái

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 685/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Công Thủy, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn An Lạc, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Anh Thương, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Công Thủy, cho anh Thủy được ly hôn với chị Nguyễn Thị Anh Thương.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trương Phú An, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Thương được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thương không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Thủy phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006817 ngày 14/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Thương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thủy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ, ngày 22/11/2018

Tại: Phòng nghị án- Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thuận

* *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quang Thái

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 685/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Công Thủy, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn An Lạc, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Anh Thương, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Công Thủy, cho anh Thủy được ly hôn với chị Nguyễn Thị Anh Thương.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trương Phú An, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Thương được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thương không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Thủy phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006817 ngày 14/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Thương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thủy có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- UBND phường Đồng Quang;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thu Thuận